

Bản tin tuần

Tuần từ 17/1 đến 21/1 năm 2011

Địa chỉ liên hệ:
Ban Phân tích
Email: research@psi.vn
Website: <http://psi.vn>

CTCP CK Dầu khí (PSI)

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu

ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26;

Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng –

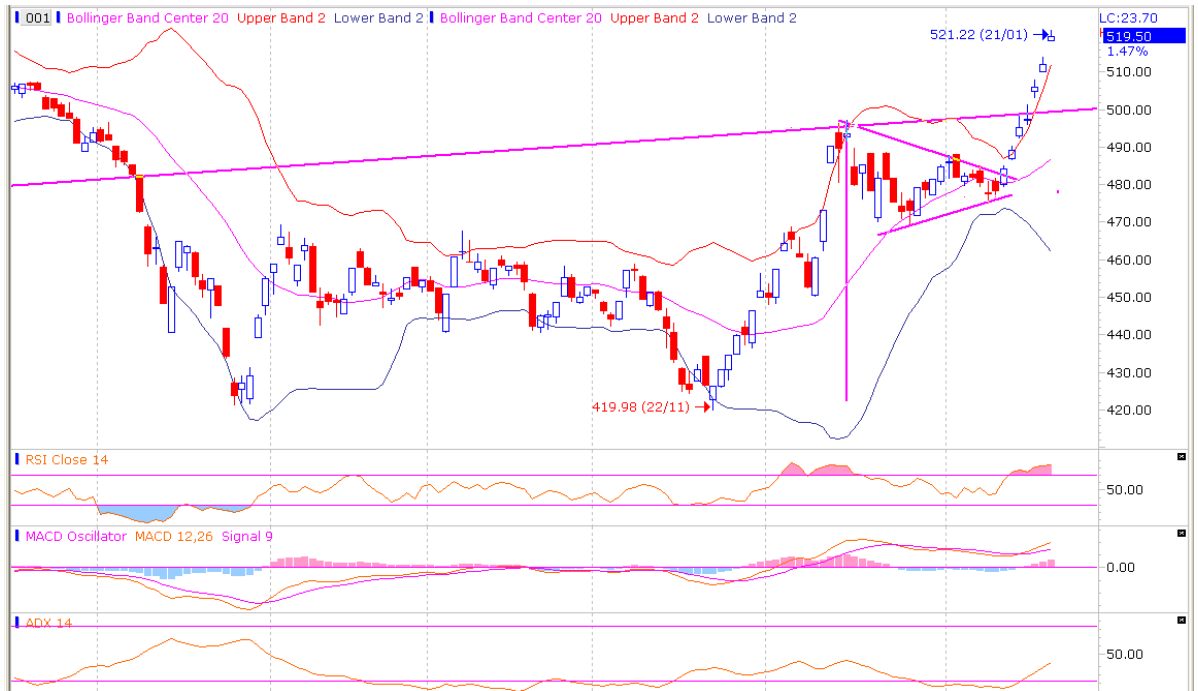
ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Trang 2
HSX	Trang 2
HNX	Trang 3
II. KINH TẾ VĨ MÔ	Trang 5
1. Tin Kinh tế	Trang 5
2. Thị trường tiền tệ	Trang 7
III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH	
Thống kê giao dịch theo tuần	Trang 11
Thống kê giao dịch phiên cuối tuần	Trang 12
Lịch sự kiện	Trang 14

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

HSX:

Thị trường
méo mó



Vnindex đã ghi nhận một tuần tăng điểm liên tục và khá mạnh mẽ. Mở cửa đầu tuần là 489.22 điểm và đóng cửa tuần ở mức 519.5 điểm, tăng 6.2%. Sự tăng điểm liên tục trong cả tuần qua bắt nguồn từ việc đầu cơ các mã có vốn hóa lớn như BVH, MSN, VIC, PVF, HAG, DPM... Các mã này tăng điểm đã kéo điểm số của Vnindex lên theo trong khi lực cung ở trên đa số các mã là nằm ở mức giá đỡ hoặc tham chiếu. Tuy nhiên bên phía bán cũng không muốn bán ở mức giá thấp làm hình thành sự giằng co về mức giá ở đa số các cổ phiếu. Kết thúc tuần, có 113 cổ phiếu tăng giá, 33 cổ phiếu đứng giá và 133 cổ phiếu giảm giá. Vnindex kết thúc tuần gần đạt mốc 520 điểm, tuy nhiên có hơn 150 bằng và giảm giá so với mốc 450 (vào ngày 9/11/2010) và chỉ có 28 cổ phiếu có mức tăng trên 20% so với mốc 450 này. Trong tuần chúng ta cũng đã chứng kiến dòng tiền chảy vào cổ phiếu thép vào phiên thứ 5 và chảy vào cổ phiếu ngân hàng hôm thứ 6. Tuy nhiên dòng cổ phiếu thép đã không giữ được nhịp và giảm điểm trong phiên hôm nay, chúng ta sẽ chờ đợi diễn biến của dòng ngân hàng trong phiên đầu tuần tới. Khối ngoại tiếp tục mua ròng mạnh trên sàn HSX với khối lượng mua ròng lên tới 14 triệu đơn vị tương ứng 470 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều gồm có DPM, KBC, PPC, PVF và ITA. Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều gồm có IJC, VPL, TBC, HVG và SSI.

Chỉ số Vnindex đã có trọn một tuần tăng điểm thuộc mạnh, tăng 6,19% từ 489.22 điểm cuối tuần trước lên 519.5 điểm. Tuy nhiên, sự tăng giá mạnh chủ yếu do tác động tăng giá mạnh của một số cổ phiếu có vốn hóa lớn như BVH, MSN, VIC, PVF, DPM. Nguyên nhân có phần do các quỹ ETFs đánh lên để bảo vệ NAV. Trong khi đó, phần lớn các cổ phiếu khác không tăng. Dòng tiền đầu cơ cũng đã có sự chảy vào thị trường nhất khi mà trong hai phiên liên tiếp dòng tiền chảy vào hai nhóm ngành khác nhau là thép và ngân hàng. Tuy nhiên, dòng tiền đầu cơ không đủ mạnh để kéo cả thị trường.

Tuần sau là tuần giáp tết. Trong lịch sử thì tuần này thường ảm đạm, cũng có năm thì dòng tiền đầu cơ chảy mạnh vào trong tuần này. Vì vậy, nếu các phiên đầu tuần không có dòng tiền đầu cơ thì thị trường sẽ nghỉ ngơi chuẩn bị ăn tết. Tuy nhiên, về mặt điểm số thì chỉ số Vnindex có thể tiếp tục gia tăng khi mà các mã có vốn hóa lớn như BVH, MSN vẫn tiếp tục được đầu cơ tăng giá.

Nhà đầu tư nên chuẩn bị ăn tết và do vậy, việc sử dụng tiền vay qua tết là không thích hợp lắm. Chúng

tôi kỳ vọng thị trường sẽ tăng trưởng trong vài tháng tới khi các chính sách kích thích kinh tế được ban hành và lãi suất giảm xuống. Trước mắt thị trường cần có thời gian tích lũy.

HNX:

Bật nhẹ cuối tuần



Ngược chiều với sàn HSX, sàn HNX đã có một tuần biến động nhẹ với 2 phiên tăng và 3 phiên giảm. Mở cửa đầu tuần với 108.24 điểm, đóng cửa ở mức 107.87 điểm, giảm 0.37 điểm tương ứng với mức 0.34% so với tuần trước. Lực mua yếu được duy trì ở mức giá đỏ và tham chiếu trong khi bên bán không sẵn sàng bán với mức giá thấp làm cho mức giá vẫn xoay quanh 108 điểm kể từ đầu tuần và thanh khoản duy trì ở mức thấp. Kết thúc tuần có 98 mã tăng điểm, 89 mã đứng giá và 186 mã giảm giá. Khá giống với HSX, trong tuần này chúng ta cũng chứng kiến dòng tiền chảy vào dòng thép vào hôm thứ 5. Tuy nhiên cổ phiếu thép đã không giữ được nhịp tăng và giảm giá ngay vào phiên sau. Sang phiên thứ 6, dòng tiền có dấu hiệu chuyển dịch vào dòng ngân hàng tạo nên sự tăng điểm khá ấn tượng của dòng này vào phiên cuối tuần.

Nhà đầu tư nước ngoài tuần này mua vào 3 triệu đơn vị cổ phiếu trị giá 68 tỷ đồng, bán ra 2 triệu cổ phiếu trị giá 41 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều bao gồm KLS, VCG và PVX. Các cổ phiếu được bán ròng nhiều bao gồm DCS, IJC và AGC.

Chỉ số Hnindex đã có một tuần giao động nhẹ, thanh khoản thấp với lực mua yếu bên cầu và lực bán yếu bên cung cho thấy khả năng chỉ số Hnindex đi ngang chờ đợi xu hướng mới. Phiên cuối tuần, trong một nỗ lực đẩy giá lên một mặt bằng mới thì lực cầu yếu không đủ đẩy thị trường đi lên. Hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số Hnindex là khu vực 104-105. Mức kháng cự ngắn hạn là 109-110. Nếu HNX-Index giảm xuống dưới 105 điểm thì thị trường sẽ suy yếu về 98 điểm là mục tiêu của mô hình vai-dầu-vai. Trong trường hợp ngược lại, thị trường vượt qua 110 điểm thì thị trường đã trở lên tích cực hơn rất nhiều. Nhà đầu tư nên gia tăng tỷ lệ cổ phiếu nếu HNX-Index vượt qua 110 điểm. Căn cứ vào các diễn biến hiện nay, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên thận trọng.

Giao dịch cổ phiếu các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Tuần qua, trong 31 cổ phiếu thuộc PVN niêm yết có 11 cổ phiếu tăng giá, 4 cổ phiếu đứng giá và 16 cổ phiếu giảm giá. Các cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVF (22%), DPM (16,18%), PXS (14,19%). Các cổ phiếu giảm giá nhiều nhất gồm có PCG (-18,8%), PPS (-15,15%), PVV (-5,88%). Trung bình, nhóm cổ phiếu thuộc PVN giảm 0,53% so với tuần trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ với 39,06 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN tuần 3/2011:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (1 cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B*	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	18.3	881,200	↓ -2.14	1.38	7.87	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	9.5	20,900	↓ -18.80	0.86	30.30	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	9.2	186,300	↔ 0.00	1.18	96.23	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	12.5	898,600	↔ 0.00	0.55	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	24.2	1,387,700	↑ 5.22	1.59	1.93	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	14.0	380,700	↔ 0.00	1.20	5.79	HNX
7	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	11.2	427,100	↓ -15.15	1.21	26.95	HNX
8	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	12.8	1,053,900	↓ -3.03	1.10	9.96	HNX
9	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	11.4	711,000	↑ 10.68	0.71	N/A	HNX
10	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	40.0	566,400	↓ -1.96	2.14	5.82	HNX
11	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	24.6	1,749,500	↓ -1.60	1.90	6.27	HNX
12	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	14.5	341,000	↓ -2.03	1.28	6.12	HNX
13	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12.7	301,100	↓ -1.55	0.57	9.54	HNX
14	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17.4	450,400	↑ 1.75	1.61	7.69	HNX
15	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	13.3	1,833,900	↓ -3.62	1.18	N/A	HNX
16	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	11.0	188,800	↑ 0.92	0.62	20.69	HNX
17	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20.5	1,842,800	↓ -2.38	1.69	5.37	HNX
18	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	16.0	830,100	↓ -5.88	1.31	6.22	HNX
19	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	20.7	7,393,500	↓ -0.96	1.37	6.67	HNX
20	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	43.8	4,308,500	↑ 16.18	2.96	10.12	HSX
21	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	16.9	1,027,350	↔ 0.00	1.01	6.90	HSX
22	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	40.7	1,552,140	↑ 5.71	3.64	6.01	HSX
23	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	11.4	601,210	↓ -2.56	0.48	12.61	HSX
24	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	55.0	1,855,940	↑ 4.76	4.16	15.75	HSX
25	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	30.5	3,166,400	↑ 22.00	2.84	62.16	HSX
26	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10.5	1,256,550	↑ 1.94	0.89	41.26	HSX
27	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	14.3	586,760	↑ 0.70	1.37	6.46	HSX
28	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	9.3	1,517,970	↓ -1.06	0.84	N/A	HSX
29	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	11.9	152,180	↓ -1.65	1.01	9.21	HSX
30	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	16.9	1,406,670	↑ 14.19	1.59	7.26	HSX
31	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	9.7	187,630	↓ -3.00	0.82	12.22	HSX
32	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.1	61,800	↓ -11.40	0.00	0.00	UPCOM
33	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	5.1	19,800	↓ -1.92	0.52	N/A	UPCOM
34	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.0	-	↔ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
35	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8.0	140,275	↓ -3.61	0.72	N/A	UPCOM
36	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	6.8	29,100	↓ -4.23	0.00	0.00	UPCOM
37	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	4.7	1,200	↓ -38.16	0.47	N/A	UPCOM
38	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15.5	-	↔ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

II. KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tin kinh tế thế giới

Sau nhiều tuần tăng điểm liên tiếp, tuần này các chỉ số chứng khoán bắt đầu điều chỉnh giảm nhẹ. Giảm sâu nhất là FTSE 100 do các thông tin thiếu tích cực về lạm phát và thất nghiệp, và Nikkei 225 sau khi thông tin GDP của Trung Quốc được công bố. Tâm điểm của tuần này là cuộc gặp Mỹ- Trung, trong đó đáng chú ý là các vấn đề tiền tệ và giao dịch thương mại

Chỉ số	Tuần trước*	Tuần này*	Thay đổi
Dow Jones Ind. Ave.	11,731.90	11,822.80	0.77%
S&P 500	1,283.76	1,280.26	-0.27%
Nasdaq Comp.	2,735.29	2,704.29	-1.13%
FTSE 100	6,023.88	5,867.91	-2.59%
DAX	7,075.11	7,024.27	-0.72%
CAC 40	3,974.83	3,964.84	-0.25%
Nikkei 225	10,553.47	10,274.52	-2.64%
Hang Seng	23,805.44	23,957.82	0.64%
Shanghai Comp.	2,801.12	2,723.31	-0.03%

* Giá đóng cửa tuần này tính tới 14:50 GMT+7 21-1-2011
Nguồn Google Finance; PSI tổng hợp

Kinh tế Mỹ: còn quá sớm để rút lại chương trình mở rộng định lượng QE2

Mỹ tiếp tục cho thấy các dấu hiệu hồi phục tích cực với sản lượng công nghiệp trong tháng 12 tăng 0.8, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 cải thiện với mức tăng 0.5%, thị trường xây dựng bắt đầu sôi động lại với số đơn cấp phép xây nhà mới xây tăng 16.7%. Tích cực như vậy nhưng Cục dự trữ liên bang Mỹ cho rằng còn quá sớm để rút lại chương trình QE2, cần phải có thêm nhiều chứng cứ để xem xét có nên giảm quy mô hoặc làm chậm tiến trình thực hiện gói kích thích hay không. Trong đó điều mà các nhà hoạch định chính sách quan tâm chính là việc làm, số người lần đầu nộp đơn xin nhận trợ cấp thất nghiệp trong tuần qua tuy giảm 37,000 xuống 404,000 nhưng thấp hơn dự báo của các nhà kinh tế. FED dự kiến phải mất vài năm nữa, thị trường việc làm mới có thể phục hồi hoàn toàn và lạm phát đạt mức 2%.

Tuy giúp kinh tế cải thiện nhưng việc áp dụng nhiều chương trình mở rộng định lượng đã đẩy nợ công của Mỹ lên cao. Trước đó, các chuyên gia đã dự đoán nước Mỹ có thể chạm ngưỡng giới hạn nợ ở 14.300 tỷ USD vào cuối quý 1/2011, và điều dự đoán này đã dần trở thành hiện thực khi hôm nay Bộ Tài chính Mỹ công bố nợ công của Mỹ đã chạm 14,001 tỷ USD, đánh dấu lần đầu tiên vượt 14 ngàn tỷ USD. Số liệu này cho thấy nợ công của Mỹ chỉ còn cách mức trần khoảng 300 tỷ USD.

Tâm điểm tuần này là cuộc gặp gỡ cấp cao Mỹ - Trung nhằm giải quyết các vấn đề bất đồng trong đó đáng chú ý là vấn đề tỷ giá và giao dịch thương mại. Mỹ cho rằng việc cho phép đồng Nhân dân tệ tăng giá so với đồng USD sẽ giúp Trung Quốc này hạ thấp được lạm phát. Trước thềm cuộc gặp, Trung Quốc đã đẩy giá Nhân dân tệ tăng cao kỷ lục 6,6128 NDT/USD, lần đầu tiên vượt ngưỡng 6,6 NDT/USD. Tính đến thời điểm hiện nay, đồng NDT đã tăng 3.6% tháng 6/2010, nhưng theo Mỹ mức này vẫn là quá thấp, phía Trung Quốc đã bác bỏ quan điểm hình sách tiền tệ của Bắc Kinh đã gây hại cho nền kinh tế Mỹ. Mỹ kỳ vọng Trung Quốc sẽ thả nổi đồng Nhân dân tệ nhanh hơn nữa, để mở rộng cánh cửa giao thương công nghệ của Hoa Kỳ vốn đóng chặt trước các doanh nghiệp Trung Quốc. Tuy chưa đạt được thỏa hiệp về tiền tệ nhưng Chính phủ Mỹ và Trung Quốc cũng cho biết hai bên đã ký kết được các hợp đồng xuất khẩu từ Mỹ sang Trung Quốc với tổng trị giá hơn 45 tỷ đôla Mỹ. Các hợp đồng này dự kiến sẽ tạo ra hơn 235,000 việc làm cho công nhân Mỹ

Khu vực Châu Âu: lạm phát và nâng lãi suất- những vấn đề vẫn làm đau đầu các nhà kinh tế

Trong khi tình hình thất nghiệp chưa được cải thiện, Châu Âu tiếp tục vật và đối phó với lạm phát. Lạm phát tháng 12 của khu vực Eurozone đã tiếp tục tăng 0.6% so với tháng 11, lần đầu tiên vượt mức trần 2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đề ra trong hơn hai năm qua. Lạm phát ở một số quốc gia không nằm trong EU như Anh cũng tăng cao hơn dự kiến. Tháng 12, lạm phát Anh đạt 3.7%, cao hơn mức 3.3% của tháng 11 của, là mức tăng hàng tháng mạnh nhất kể từ trước đến nay. Chỉ số này cũng vượt mức trần 2% của Ngân hàng Trung ương Anh (BOE)

Nhằm ngăn chặn khả năng lạm phát trong khu vực đồng euro (Eurozone), ECB cho biết sẽ xem xét việc tăng lãi suất cho vay chính thức để ngăn chặn lạm phát. Tuy nhiên, nếu tăng lãi suất của ECB vốn đang được duy trì ở mức 1%, áp lực sẽ nặng nề thêm với các nước đang nhận các gói cứu trợ như Hi Lạp và Ireland vốn đã đang gặp khó khăn. Cụ thể Hi Lạp đã chính thức bị Fitch hạ tính nhiệm xuống khỏi cấp độ đầu tư từ BBB- xuống BB- với triển vọng tiêu cực sau lời cảnh

báo trong tháng 12/2010. Mức xếp hạng mà Fitch dành cho Hy Lạp tương tự như của Moody's và Standard & Poor's. Fitch cho biết có thể xem xét tiếp tục hạ bậc nếu khả năng tiếp cận đến các thị trường vốn của nước này không cải thiện. Bộ trưởng Tài chính Hy Lạp còn cho biết nước này đang tiến hành các cuộc đàm phán với các quốc gia châu Âu nhằm nỗ lực hạ thấp lãi suất của gói giải cứu trị giá 110 tỷ EUR (tương đương 146 tỷ USD) từ Liên minh châu Âu (EU) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

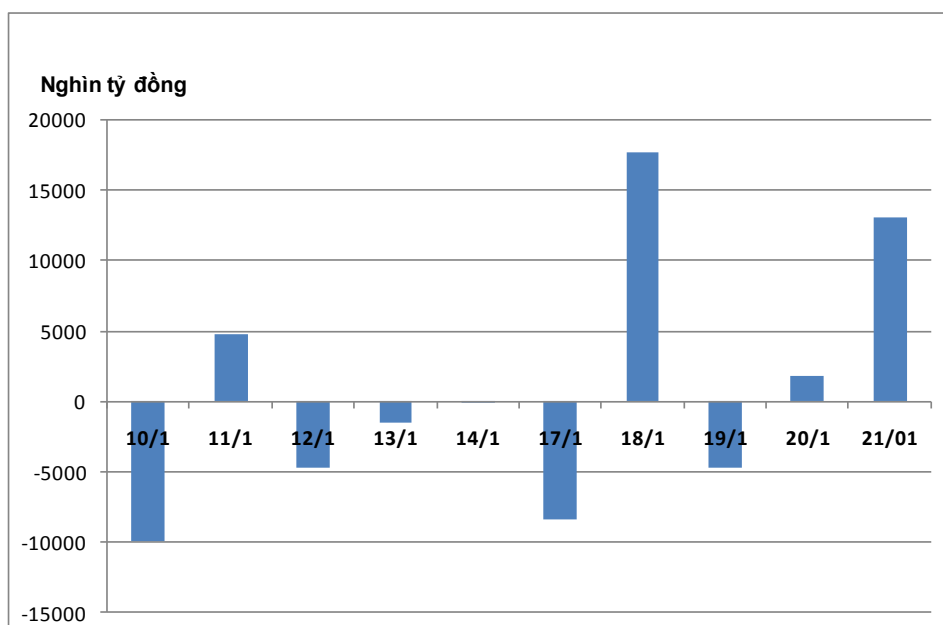
Khu vực Châu Á: GDP Trung Quốc – đáng mừng hay đáng lo?

Trung Quốc vừa công bố công bố số liệu GDP 2010 và lạm phát tháng 12, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 2010 của Trung Quốc tăng 10.3% lên 39.8 ngàn tỷ Nhân dân tệ (tương đương 6.04 ngàn tỷ USD), cao hơn dự báo 10.2% của các nhà kinh tế là tốc độ tăng trưởng mạnh nhất trong 3 năm qua. Lạm phát tháng 12 tuy chỉ tăng 4.6%, thấp hơn dự báo 4.7% , nhưng vẫn khiến lạm phát cả năm tăng 3.3%, vượt trần 3% của Chính phủ. Doanh số bán lẻ tháng 12 tăng 19.1%, cả năm tăng 18.4%, sản lượng công nghiệp tháng 12 tăng 13.5% đưa cả năm tăng 15.7%. Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 12 cũng tăng 5.9% năm 2010 tăng 5.5% so với cùng kỳ năm ngoái. Tốc độ mở rộng nhanh chóng của Trung Quốc làm dấy lên lo ngại rằng nền kinh tế của nước này đang tăng trưởng quá nóng. Trong năm tới, chính phủ nước này có thể sẽ tập trung ổn định kinh tế, tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ và nâng lãi suất để nhằm kiểm soát lạm phát. Chính sách thắt chặt tiền tệ có thể ảnh hưởng đến dòng vốn FDI đổ vào nước này, mà chủ yếu từ các nước phát triển, cũng như ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng trong nước.

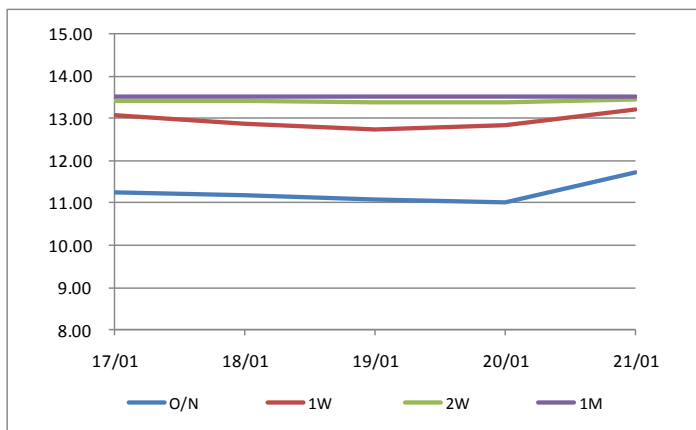
2. Kinh tế trong nước

Lãi suất

Lãi suất vẫn là vấn đề được quan tâm nhất trong giai đoạn đầu năm 2011, trên thị trường, những tín hiệu tích cực bước đầu đã xuất hiện. Sau khi Ngân hàng Nhà nước quyết liệt chấn chỉnh lãi suất cuối năm 2010, lãi suất từ trên 17% đã rút về đồng thuận và công khai ở mức 14%. Tuy nhiên, trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất không duy trì được sự ổn định như tuần trước, do vào thời điểm căng thẳng cuối năm, việc vay mượn trên thị trường liên ngân hàng diễn ra nhiều để giải quyết những khó khăn ngắn hạn của các ngân hàng thường khiến lãi suất trên thị trường lên cao. Lãi suất đồng Việt Nam tăng trong ngày cuối tuần, O/N lên mức gần 12%, kỳ hạn một tuần tăng lên trên 13%. Lãi suất đồng USD cũng tăng trong ngày 20/1, lãi suất 2 tháng tăng từ 0.98% lên 1%, xong đã giảm nhẹ vào cuối tuần . Trên thị trường OMO, dòng tiền được bơm mạnh cho thấy thanh khoản của các ngân hàng trong giai đoạn cuối năm chưa thực sự được đảm bảo. Doanh nghiệp và người tiêu dùng đều hi vọng lãi suất giảm, tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, trong quý I/2010, lãi suất sẽ vẫn ổn định ở mức hiện tại, và khó có thể giảm mạnh.

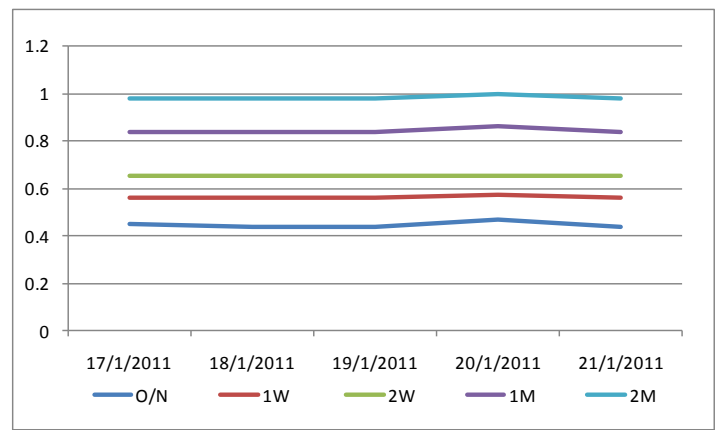


**LÃI SUẤT BÌNH QUÂN
LIÊN NGÂN HÀNG (VND, %)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

**LÃI SUẤT BÌNH QUÂN
LIÊN NGÂN HÀNG (USD, %)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thị trường vàng và ngoại hối

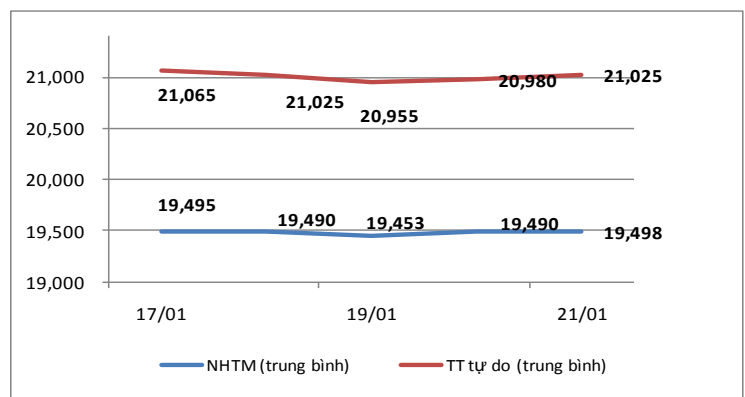
Vàng giảm mạnh trên thị trường thế giới

Trên thế giới, giá vàng điều chỉnh theo thông tin từ Trung Quốc, đầu tuần giảm trong khi Trung Quốc công bố nâng dự trữ vàng dự trữ bắt buộc, hồi phục nhẹ trong 2 ngày sau, nhưng giảm mạnh vào hai ngày 20 và 21/1. dữ liệu kinh tế quý 4 của Trung quốc thể hiện mức tăng trưởng ấn tượng, lạm phát tuy có giảm trong tháng 12 nhờ kiểm soát chặt chẽ của chính phủ, nhưng vẫn tiềm ẩn khả năng tăng cao trở lại khi lạm phát cả năm vẫn vượt trần. Điều này đẩy các nhà đầu tư vào tính thế “tiến thoái lưỡng nan” giữa việc mua vào để đầu cơ khi lạm phát tăng lên hay bán ra tránh rủi ro. Giá vàng ngày 21/1 giảm sâu nhất về mức 1344.45 USD/ounce

Vàng giảm nhẹ trong tuần này, theo xu hướng vàng thế giới, giao dịch quanh mức 35,55/35,65, nhu cầu vẫn chưa thực sự rõ rệt trong thời điểm cuối năm

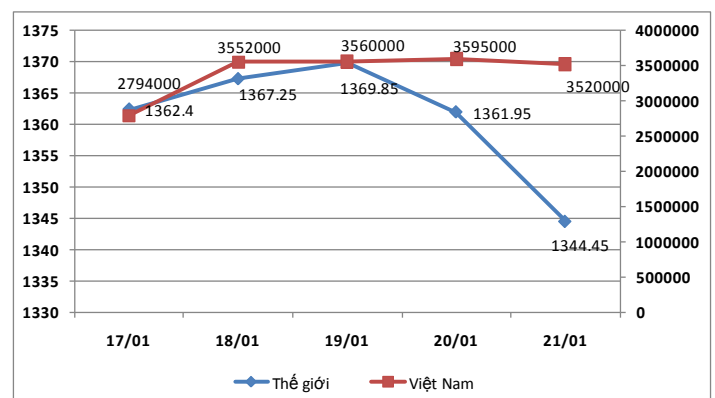
Việc tăng lãi suất nhằm thu hút USD trên thị trường khiến nguồn cung USD có phần giảm nhẹ, ảnh hưởng đến tỷ giá trong tuần. Tỷ giá USD tự do tăng nhẹ, vượt lên trên mốc 21.000 VND đổi 1 USD đã

TỶ GIÁ VND/USD



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

GIÁ VÀNG

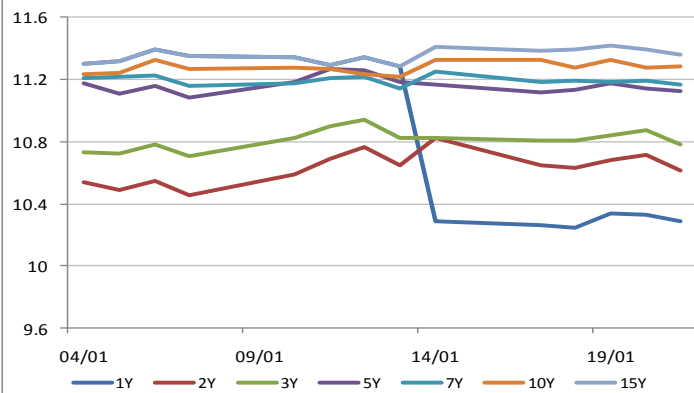


Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thị trường trái phiếu

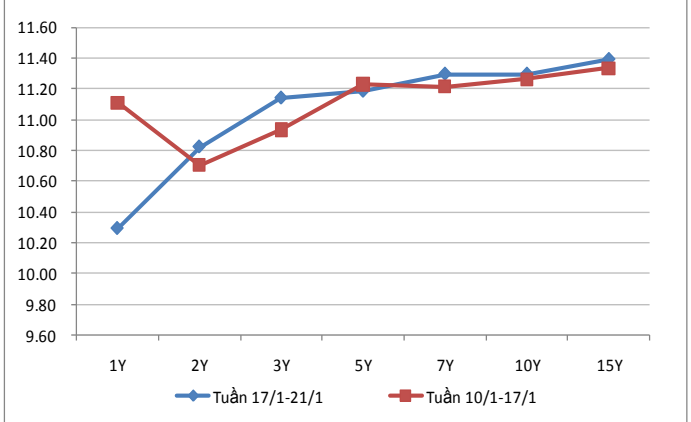
Lãi suất trái phiếu chính phủ trung bình ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong tuần này ổn định, không có nhiều biến động, chỉ giảm nhẹ ở kỳ hạn 1 năm và 5 năm so với tuần trước. Giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX tiếp tục ở mức trung bình 50 triệu đơn vị trái phiếu được giao dịch trong tuần vừa rồi.

**LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
(BÌNH QUÂN, %)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

**BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
(%)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thống kê giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX

Ngày	Loại TP	Mã TP	Đáo hạn	Coupon (%)	Lợi suất cao nhất (%)	Lợi suất thấp nhất (%)	Tổng khối lượng
21/1/2011	TPCP	TP4A0706	23/02/2021	9,25	10,50	10,50	1.000.000
	TPCP	TP4A0206	20/01/2021	9,25	11,02	11,02	3.800.000
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	14,95	14,95	1.000.000
20/1/2011	TPCP	CPD0811041	9/9/2011	16,00	10,30	10,30	200
	TPCP	CP4A2103	10/9/2018	8,84	10,20	10,20	132
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	5,11	5,11	6.000.000
19/01/2011	TPCP	TB1015041	13/05/2015	11,33	11,01	11,01	400
	TPCP	CPD1012012	22/03/2012	12,00	10,20	10,20	1.000.000
	TPCP	TP4A4204	17/09/2019	9,00	11,04	11,04	1.900.000
18/01/2011	TPCP	TP4A3904	27/08/2019	9,00	11,04	11,04	3.300.000
	TPCPBL	QHB1020028	22/04/2020	11,50	11,04	11,04	3.100.000
	TPCPBL	VDB110029	24/05/2020	11,60	5,71	5,71	5.000.000
17/01/2011	TPCP	CPB1012010	10/3/2012	12,00	10,30	10,30	1.000.000
	TPCP	CPD0811041	9/9/2011	16,00	10,55	10,25	2.200.000
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	5,02	5,02	6.000.000
	TPCP	QHD0919024	16/11/2019	9,90	9,90	9,90	3.000.000
	TPCPBL	VDB110024	28/05/2020	11,50	11,02	11,02	4.000.000
Tổng khối lượng							42.300.732

Nguồn: HNX 21-1-2010 13:53 GMT+7

III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT THEO TUẦN

HSX

HSX	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	519.50 ↑	46.45	9.82%
KLGD (triệu ck)	215.17 ↑	67.96	46.17%
GTGD (tỷ đồng)	5,626.67 ↑	1,814.16	47.58%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	30,300	29,600	-2.31	318,492
HAG	79,500	55,000	-30.82	239,542
KSS	27,800	28,400	2.16	233,785
DPM	37,700	43,800	16.18	176,396
STB	15,600	15,800	1.28	124,433

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
MSN	73,500	92,500	19,000	25.85
BVH	82,000	103,000	21,000	25.61
PVF	25,000	30,500	5,500	22.00
CMT	19,600	23,000	3,400	17.35
DPM	37,700	43,800	6,100	16.18

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
ASM	66,000	26,700	-39,300	-59.55
HAG	79,500	55,000	-24,500	-30.82
VPL	53,500	45,000	-8,500	-15.89
SRC	34,700	29,600	-5,100	-14.70
NVN	29,500	26,300	-3,200	-10.85

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	70,519	VPL	44,720
DPM	62,323	FPT	30,671
BVH	57,833	BVH	30,560
PVD	57,250	VIC	23,641
KBC	54,910	HPG	23,391

HNX

HNX	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	107.87 ↓	-3.56	-3.19%
KLGD (triệu ck)	134.92 ↑	28.94	27.31%
GTGD (tỷ đồng)	2,487.94 ↑	565.79	29.44%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
KLS	15,000	15,000	0.00	223,045
VND	21,300	20,200	-5.16	188,706
PVX	20,900	20,700	-0.96	154,819
HBB	11,200	11,800	5.36	147,042
SHN	21,800	20,500	-5.96	131,406

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
LUT	31,800	38,500	6,700	21.07
HDA	23,300	26,700	3,400	14.59
PTM	11,500	13,000	1,500	13.04
ALV	15,800	17,700	1,900	12.03
PV2	10,300	11,400	1,100	10.68

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
CVN	29,600	20,800	-8,800	-29.73
SSG	18,300	14,200	-4,100	-22.40
KTT	14,000	11,200	-2,800	-20.00
PCG	11,700	9,500	-2,200	-18.80
TVD	17,100	14,000	-3,100	-18.13

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	16,623	PVS	16,036
KLS	12,165	NTP	4,823
NTP	11,954	KLS	4,601
PVX	6,026	VND	2,785
VCG	3,951	PVX	2,038

UPCOM

UPCOM	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	43.78 ↑	2.33	5.62%
KLGD (triệu ck)	1.15 ↑	0.22	23.50%
GTGD (tỷ đồng)	12.13 ↑	3.24	36.40%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
TGP	6,100	5,700	-6.56	1,983
HIG	20,100	20,000	-0.50	1,220
PSB	8,300	8,000	-3.61	1,126
MAX	28,000	27,900	-0.36	902
DBM	29,000	30,000	3.45	701

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
IN4	8,100	10,600	2,500	30.86
BMJ	15,000	18,400	3,400	22.67
DDN	19,500	22,400	2,900	14.87
HDM	9,000	10,300	1,300	14.44
DGT	7,900	8,800	900	11.39

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
PTT	7,600	4,700	-2,900	-38.16
GDW	9,400	7,700	-1,700	-18.09
DNS	10,200	8,500	-1,700	-16.67
SCO	12,000	10,100	-1,900	-15.83
HU1	18,500	15,700	-2,800	-15.14

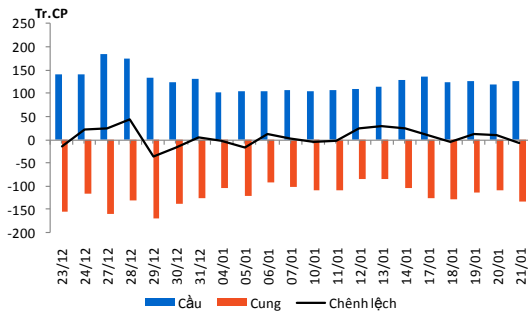
5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HPT	199	PPP	2
HIG	160		0

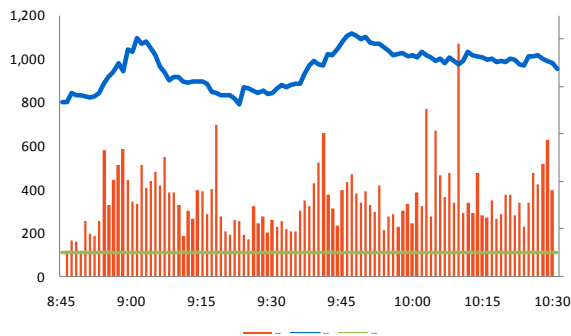
THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT PHIÊN CUỐI TUẦN

HSX

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	519.50 ↑	7.52	1.47%
KLGD (triệu ck)	46.99 ↑	6.28	15.43%
GTGD (tỷ đồng)	1,272.07 ↑	235.26	22.69%
Tổng cung (triệu ck)	85.16 ↑	15.43	22.13%
Tổng cầu (triệu ck)	80.78 ↑	5.53	7.35%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	5.73 ↑	0.31	5.73%
KL bán (triệu ck)	2.05 ↓	-0.69	-25.26%
Giá trị mua (tỷ đồng)	192.12 ↑	3.63	1.92%
Giá trị bán (tỷ đồng)	85.20 ↓	-15.05	-15.01%

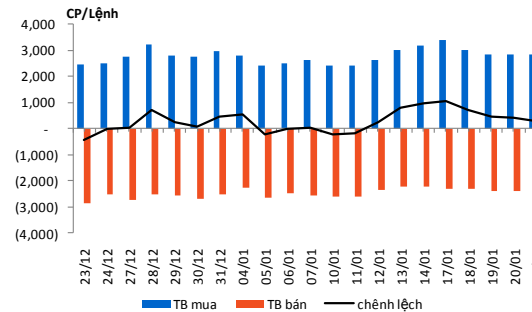


VN-Index

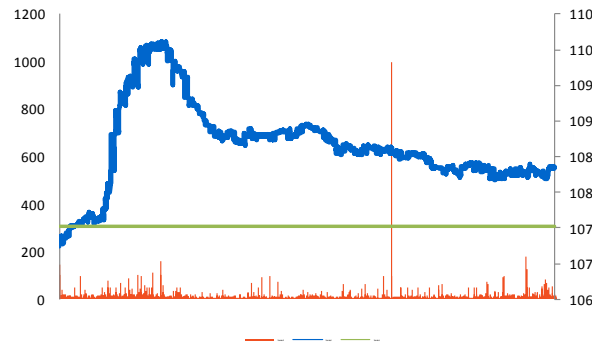


HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	107.87 ↑	0.85	0.79%
KLGD (triệu ck)	26.86 ↑	5.28	24.48%
GTGD (tỷ đồng)	483.62 ↑	88.75	22.48%
Tổng cung (triệu ck)	47.51 ↑	8.81	22.77%
Tổng cầu (triệu ck)	44.67 ↑	1.94	4.55%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.68 ↑	0.11	20.43%
KL bán (triệu ck)	0.67 ↑	0.42	174.97%
Giá trị mua (tỷ đồng)	14.84 ↑	4.29	40.71%
Giá trị bán (tỷ đồng)	14.42 ↑	9.57	196.99%

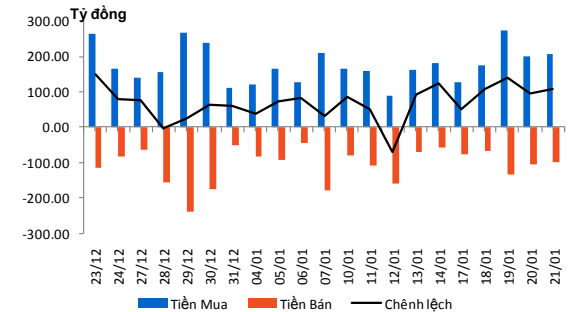


HNX-Index

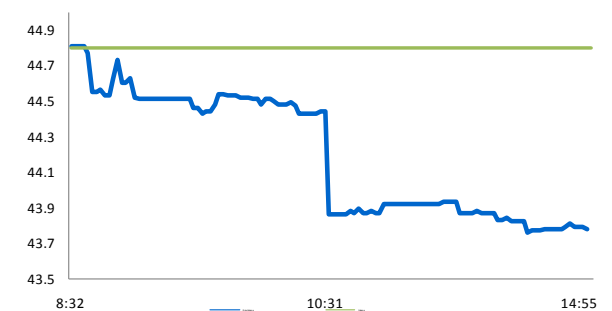


UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	43.78 ↓	-1.01	-2.25%
KLGD (triệu ck)	0.17 ↓	-0.04	-19.64%
GTGD (tỷ đồng)	2.24 ↓	-0.03	-1.36%
Tổng cung (triệu ck)	0.55 ↓	-0.06	-10.21%
Tổng cầu (triệu ck)	0.53 ↑	0.04	8.06%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↓	-0.03	-100.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↓	-0.56	-100.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



UPCOM-Index



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	29,600	29,600	0.00	77,643
HAG	55,000	55,000	0.00	61,718
DPM	41,800	43,800	4.78	60,983
VCB	31,500	33,000	4.76	43,433
SJS	61,000	64,000	4.92	42,163

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SJS	61,000	64,000	3,000	4.92
KSH	35,000	36,700	1,700	4.86
NHW	16,500	17,300	800	4.85
PVF	29,100	30,500	1,400	4.81
DPM	41,800	43,800	2,000	4.78

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SRF	28,000	26,600	-1,400	-5.00
LHG	44,300	42,100	-2,200	-4.97
LGC	28,400	27,000	-1,400	-4.93
DVD	34,500	32,800	-1,700	-4.93
TIX	44,700	42,500	-2,200	-4.92

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
DPM	19,831	KDC	9,802
BVH	16,777	NBB	7,939
NBB	16,743	VIC	7,406
PVF	14,064	BVH	6,668
HAG	12,806	FPT	6,501

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
KLS	15,100	15,000	-0.66	47,303
PVX	20,800	20,700	-0.48	35,929
VND	20,500	20,200	-1.46	31,447
HBB	11,500	11,800	2.61	29,677
SHN	21,000	20,500	-2.38	28,339

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
ONE	10,000	10,700	700	7.00
LDP	38,800	41,500	2,700	6.96
SJ1	23,100	24,700	1,600	6.93
KSD	13,000	13,900	900	6.92
TMC	22,000	23,500	1,500	6.82

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
BSC	14,300	13,300	-1,000	-6.99
CCM	31,500	29,300	-2,200	-6.98
VBC	28,900	26,900	-2,000	-6.92
VHL	55,000	51,200	-3,800	-6.91
MNC	8,700	8,100	-600	-6.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
KLS	3,727	KLS	4,530
NTP	2,849	NTP	2,929
PVS	2,654	VND	2,286
DXP	1,129	PVS	1,630
PVX	922	DXP	1,570

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
HIG	20,000	20,000	0.00	880
ACC	32,000	28,800	-10.00	294
PSB	8,000	8,000	0.00	207
ITD	14,900	13,900	-6.71	105
PPP	10,400	11,000	5.77	77

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
VCT	11,200	12,300	1,100	9.82
IHK	9,700	10,600	900	9.28
IN4	9,700	10,600	900	9.28
ND2	4,900	5,300	400	8.16

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PTD	17,600	11,100	-6,500	-36.93
NOS	15,700	10,000	-5,700	-36.31
ACC	32,000	28,800	-3,200	-10.00
NSP	10,000	9,000	-1,000	-10.00
NT2	11,200	10,100	-1,100	-9.82

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
	0	PPP	1

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,000	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật	HSX	242	14/01/2011
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
Công ty Cổ phần Cảng Đông Nai	HSX	82.32	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phot Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphe Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Chứng khoán An Phát	HNX	289	20/01/2011
CTCP Bia Hà Nội – Hải Phòng	HNX	91.79	20/01/2011
CTCP Du lịch Đắk Lắk	UPCOM	93.07	19/01/2011
Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	HNX	450	17/01/2011
CTCP Viễn thông điện tử Vinacap	HNX	134.97	17/01/2011
CTCP Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm	HNX	35	14/01/2011
Công ty Cổ phần Vinacafê Biên Hòa	HSX	265.79	13/01/2011
CTCP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	UPCOM	15	12/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HSX	38	07/01/2011
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	06/01/2011
CTCP Gang thép Thái Nguyên	UPCOM	1840	06/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	UPCOM	15.391	06/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	HSX	176.998	04/01/2011
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Môi trường Đô thị Hà Đông	MTH	UPCOM	14.78		10/02/2011
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
CTCP Nhựa Sam Phú	NSP	UPCOM	50.00		19/01/2011
CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	PTD	UPCOM			14/01/2011
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	HSX			14/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDk	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV		HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Vận tải Biển Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	25.65		11/01/2011
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	HSX			11/01/2011
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long		HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam		HNX	150.00		07/01/2011

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999

Chi nhánh Nam Định

Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá

Chi nhánh Nghệ An

Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339